

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Ông Thượng Văn Kính.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà N T X M, sinh năm 1981; địa chỉ: đường ĐX, Khu phố 2, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông H A D, sinh năm 1981; địa chỉ: địa chỉ: đường ĐX, Khu phố 2, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà N T X M và ông H A D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2005, quyển số 01, ngày 03/8/2005 tại UBND phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân ông Dũng thường xuyên tỏ thái độ xem thường gia đình vợ, ghen tuông vô cớ với đồng nghiệp, không rõ ràng về tài sản vợ chồng, bất đồng quan điểm trong việc giáo dục con cái. Những việc này hưởng đến công việc, gia đình, tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn cha mẹ và con cái. Những mâu thuẫn này kéo dài

nhiều năm. Tuy vợ chồng vẫn chung sống một nhà những nhiều năm qua không còn yêu thương, chăm sóc. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Dũng cũng không có thay đổi gì. Vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Bà Mai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Dũng.

Về con chung: Bà M và ông D có 02 con chung gồm: Cháu H A Q, sinh ngày 07/7/2006 và H M Q, sinh ngày 27/10/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn bà M yêu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn tại Bản tư khai ngày 10/02/2020 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất về quá trình chung sống, kết hôn. Do mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2017 đến nay. Vợ chồng ly thân nhưng vẫn cùng chăm sóc con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D có nhiều điều làm bà M buồn. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ, yêu thương để nuôi dạy con cái. Ông Dũng có đơn yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Thống nhất như lời trình bày của bà M. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn về con chung ông D đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của con chung chưa thành niên cháu H A Q xác định:* Cháu không biết mâu thuẫn cụ thể của cha mẹ như thế nào. Tuy nhiên từ nhiều năm nay cha mẹ không nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng mâu thuẫn có cãi nhau. Cháu có nguyện vọng ở với mẹ khi Tòa án giải quyết ly hôn.

** Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật về người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà N T X M khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn ông H A D. Ông D có địa chỉ cư trú tại phường P, thành

phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H A D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N T X M và ông H A D tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68/2005, quyển số 01, ngày 03/8/2005 tại UBND phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế và nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2017 đến nay. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Ông D nhiều lần nhận khuyết điểm, nhưng vẫn không thể khắc phục. Quá trình giải quyết vụ án ông Dững không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án các bên cũng không có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm.

Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên là trầm trọng, kéo dài, tình cảm đã thực sự không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng không thể hòa giải, đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Các bên đều xác định có 02 con chung gồm: H A Q, sinh ngày 07/7/2006 và H M Q, sinh ngày 27/10/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn các bên thống nhất bà Mai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chung sau khi ly hôn. Vì vậy ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T X M.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N T X M đối với bị đơn ông H A D về việc “ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N T X M được ly hôn với ông H A D.

- Về con chung: Giao bà N T X M được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục các con chung gồm: H A Q, sinh ngày 07/7/2006; H M Q, sinh ngày 27/10/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H A D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà M và ông D đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N T X M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041302 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ông H A D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, thành phố Thủ Dầu Một;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quý